

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 17

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Số 37, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

	Chức vụ
Ông Nguyễn Như Lâm	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Tông	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Ủy viên
Ông Vũ Văn Thiệu	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Phán	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Như Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thiệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2011

Số: 153 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc tại ngày 30/6/2011 được lập ngày 24/08/2011 của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 17 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán đề ngày 12/03/2011, trong đó đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề sau

Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa được hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết.



Bùi Văn Ngọc
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0035/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2011



Nguyễn Đức Tiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MÁU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		11.280.469.459	11.449.580.270
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.633.706.322	2.768.451.914
1. Tiền	111		1.833.706.322	1.568.451.914
2. Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	1.200.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.058.486.379	6.617.490.680
1. Phải thu khách hàng	131		3.106.872.035	3.528.020.962
2. Trả trước cho người bán	132		520.532.000	1.714.366.450
3. Các khoản phải thu khác	135	5	431.082.344	1.375.103.268
III. Hàng tồn kho	140	6	3.790.735.391	1.717.966.925
1. Hàng tồn kho	141		3.790.735.391	1.717.966.925
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		797.541.367	345.670.751
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22.831.827	51.072.783
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		225.441.704	364.916
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		10.616.836	10.616.836
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	538.651.000	283.616.216
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		70.823.854.403	68.284.307.732
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		48.991.969	48.991.969
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(48.991.969)	(48.991.969)
II. Tài sản cố định	220		62.801.955.277	60.244.051.955
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	33.987.467.689	34.922.027.896
- Nguyên giá	222		60.955.264.397	60.740.978.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.967.796.708)	(25.818.951.047)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	28.814.487.588	25.322.024.059
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.000.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	8.000.000.000	8.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		21.899.126	40.255.777
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		21.899.126	40.255.777
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		82.104.323.862	79.733.888.002

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MÁU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		16.499.588.059	11.027.844.351
I. Nợ ngắn hạn	310		14.726.297.911	9.082.670.548
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	354.369.000	1.394.601.000
2. Phải trả người bán	312		4.096.048.295	1.683.706.171
3. Người mua trả tiền trước	313		700.126.123	2.914.961.165
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.781.579.442	1.038.118.854
5. Phải trả người lao động	315		494.767.721	253.130.497
6. Chi phí phải trả	316		57.799.332	33.540.187
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	6.262.869.937	1.554.321.413
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(21.261.939)	210.291.261
II. Nợ dài hạn	330		1.773.290.148	1.945.173.803
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		176.360.266	243.175.980
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	14	1.596.929.882	1.701.997.823
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	15	65.604.735.803	68.706.043.651
I. Vốn chủ sở hữu	410		65.604.735.803	68.706.043.651
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.029.400.000	57.029.400.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.762.901	(32.758.206)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.124.196.508	1.140.943.547
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.483.661.313	1.083.613.486
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.964.715.081	9.484.844.824
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		82.104.323.862	79.733.888.002

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

30/06/2011 **31/12/2010**

2.267,02

2.308,06



Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		24.494.056.676	23.765.389.796
2. Giá vốn hàng bán	11		13.804.597.669	15.353.588.590
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		10.689.459.007	8.411.801.206
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	557.428.873	842.709.724
5. Chi phí tài chính	22	17	10.892.581	226.518.490
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		-	206.918.292
6. Chi phí bán hàng	24		1.235.399.965	1.706.499.725
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.110.528.457	3.808.626.884
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		5.890.066.877	3.512.865.831
9. Thu nhập khác	31		748.064.475	921.119.979
10. Chi phí khác	32		78.589.132	-
11. Lợi nhuận khác	40		669.475.343	921.119.979
12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		6.559.542.220	4.433.985.810
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	1.602.255.175	766.731.740
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	60		4.957.287.045	3.667.254.070
16. Lãi trên cổ phiếu	70	19	869	643



Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	26.748.440.393	26.800.522.146
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(11.294.711.111)	(10.940.509.866)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.830.851.477)	(4.882.203.126)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(223.227.360)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.982.894.197)	(475.916.781)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.477.835.595	2.832.451.955
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.987.758.496)	(7.478.568.432)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	130.060.707	5.632.548.536
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(169.636.542)	(3.543.320.985)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	150.700.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.997.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.797.000.000	1.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	109.541.136	1.211.365.299
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	739.904.594	(1.181.255.686)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	48.600.000	8.425.771.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.088.832.000)	(6.045.308.631)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.897.875.099)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.040.232.000)	(3.517.412.730)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(170.266.699)	933.880.120
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.768.451.914	1.381.813.635
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	35.521.107	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.633.706.322	2.315.693.755



Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103008442 ngày 05/07/2005, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 19/11/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ: 57.029.400.000 đồng

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1.	Vốn Nhà nước do ông Nguyễn Như Lâm đại diện	1.634.114	16.341.140.000
2.	32 Cổ đông sáng lập khác	1.973.573	19.735.730.000

Địa chỉ trụ sở chính: Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2011 là 324 người, tại ngày 31/12/2010 là 342 người (số nhân viên này không bao gồm nhân viên của Công ty TNHH Một thành viên Vải sợi May mặc Miền Bắc II).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm;
- Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
- Buôn bán hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Riêng báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Vải sợi May mặc Miền Bắc II: Công ty góp vốn vào Công ty TNHH MTV Vải sợi May mặc Miền Bắc II với tỷ lệ phần sở hữu là 100%.

- Công ty Cổ phần Trường Hà: Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Trường Hà với tỷ lệ phần sở hữu là 57,14%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con và công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa được hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	07 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Tài sản cố định khác	03 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính.

Công ty đang xác định khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Trường Hà với tỷ lệ phần sở hữu 57,14% là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho hoạt động kết thúc tại ngày 30/06/2011 sẽ giảm 2.762.901 VND và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30/06/2011 sẽ tăng một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10, sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	55.204.840	168.860.685
Tiền gửi ngân hàng	1.778.501.482	1.399.591.229
Các khoản tương đương tiền	800.000.000	1.200.000.000
	2.633.706.322	2.768.451.914

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành	186.120.000	186.120.000
Tạm ứng chi phí cho Ban Đầu tư	96.000.000	48.000.000
Các khoản phải thu khác	148.962.344	1.140.983.268
	431.082.344	1.375.103.268

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên vật liệu	62.171.417	103.303.408
Công cụ, dụng cụ	6.412.178	6.628.946
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.865.486	54.054.115
Thành phẩm	550.709.929	935.943.912
Hàng hóa	3.161.576.381	618.036.544
Cộng	3.790.735.391	1.717.966.925
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	3.790.735.391	1.717.966.925

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	446.651.000	171.532.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	92.000.000	112.084.216
	538.651.000	283.616.216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 31/12/2010	49.025.904.885	6.970.555.808	2.428.930.251	713.191.207	1.602.396.792	60.740.978.943
Mua trong năm	-	-	214.285.454	-	-	214.285.454
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2011	49.025.904.885	6.970.555.808	2.643.215.705	713.191.207	1.602.396.792	60.955.264.397
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 31/12/2010	15.792.359.907	6.765.105.959	1.679.364.483	452.049.255	1.130.071.443	25.818.951.047
Khấu hao trong năm	807.257.736	88.388.840	100.007.319	54.585.494	98.606.272	1.148.845.661
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2011	16.599.617.643	6.853.494.799	1.779.371.802	506.634.749	1.228.677.715	26.967.796.708
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/06/2011	<u>32.426.287.242</u>	<u>117.061.009</u>	<u>863.843.903</u>	<u>206.556.458</u>	<u>373.719.077</u>	<u>33.987.467.689</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>33.233.544.978</u>	<u>205.449.849</u>	<u>749.565.768</u>	<u>261.141.952</u>	<u>472.325.349</u>	<u>34.922.027.896</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2011 là 8.953.957.911 đồng.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	25.322.024.059
Tăng trong kỳ	3.706.748.983
Kết chuyển sang tài sản cố định	214.285.454
Tại ngày 30 tháng 06	28.814.487.588

Chi tiết phát sinh cho từng công trình:

Công trình	01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2011
Dự án cải tạo xây dựng Lạc Trung	-	63.217.816	-	63.217.816
Dự án cải tạo nhà 352 Giải Phóng	27.203.091	-	-	27.203.091
Dự án xây dựng Trung tâm TM Đức Giang	25.080.535.514	3.643.531.167	-	28.724.066.681
Mua sắm tài sản cố định	214.285.454	-	214.285.454	-
Tổng cộng	25.322.024.059	3.706.748.983	214.285.454	28.814.487.588

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Trường Hà	8.000.000.000	8.000.000.000
	<u>8.000.000.000</u>	<u>8.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2011 như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Nơi hoạt động và thành lập</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Trường Hà	T.P Hà Nội	57,14%	57,14%	Thương mại

Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Trường Hà với tỷ lệ quyền sở hữu 57,14%. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty xác định đây là khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên và các cổ đông (*)	354.369.000	1.394.601.000
	354.369.000	1.394.601.000

Ghi chú: (*) Công ty huy động vay vốn của các cán bộ công nhân viên và các cổ đông theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 25/02/2008. Lãi suất huy động vốn là 15%/năm (1,25%/tháng) theo Văn bản số 201/VSMB ngày 26/12/2010 của Tổng Giám đốc Công ty.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	133.370.922
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.749.617.396	621.859.600
Tiền thuê đất	782.701.084	282.336.300
Thuế thu nhập cá nhân	249.183.220	552.032
Thuế khác	77.742	-
	2.781.579.442	1.038.118.854

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bảo hiểm xã hội	181.677.427	2.695.014
Kinh phí công đoàn	51.872.814	47.090.882
Nhận tiền đặt cọc dịch vụ cho thuê kho xưởng	2.044.434.000	-
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	2.290.623.090	-
Các khoản phải trả khác	1.694.262.606	1.504.535.517
	6.262.869.937	1.554.321.413

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chênh lệch đánh giá lại tài sản đi góp vốn	1.272.918.822	1.697.225.096
Doanh thu chưa thực hiện	324.011.060	4.772.727
	1.596.929.882	1.701.997.823

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮCSố 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong Vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị: VND
						Tổng cộng
Số dư tại ngày 31/12/2009	57.029.400.000	(53.552.832)	191.494.042	653.493.000	8.674.361.288	66.495.195.498
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.476.956.545	9.476.956.545
Tăng trong năm	-	79.450.996	949.449.505	430.120.486	-	1.459.020.987
Giảm trong năm	-	(58.656.370)	-	-	(8.666.473.009)	(8.725.129.379)
Số dư tại ngày 31/12/2010	57.029.400.000	(32.758.206)	1.140.943.547	1.083.613.486	9.484.844.824	68.706.043.651
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	4.957.287.045	4.957.287.045
Tăng trong kỳ	-	55.455.079	983.252.961	400.047.827	-	1.438.755.867
Giảm trong kỳ	-	(19.933.972)	-	-	(9.477.416.788)	(9.497.350.760)
Số dư tại ngày 30/06/2011	57.029.400.000	2.762.901	2.124.196.508	1.483.661.313	4.964.715.081	65.604.735.803

Theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 19/04/2011, lợi nhuận sau thuế năm 2010 được dùng để trích Quỹ Đầu tư phát triển 983.252.961 đồng, Quỹ Dự phòng tài chính 430.120.486 đồng, Quỹ Khen thưởng Phúc lợi 110.000.000 đồng, chi trả cổ tức 7.984.116.000 đồng (tỷ lệ 14%).

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	30/06/2011	31/12/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	5.702.940	5.702.940
+ Số cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	5.702.940	5.702.940
+ Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	5.702.940	5.702.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi	319.428.873	49.007.649
Lãi từ hoạt động liên kết, liên doanh	238.000.000	758.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	35.702.075
	557.428.873	842.709.724

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.892.581	19.600.198
Chi phí lãi vay	-	206.918.292
	10.892.581	226.518.490

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	6.559.542.220	4.433.985.810
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(150.521.519)	(738.635.156)
- Giảm: Doanh thu không chịu thuế	(238.000.000)	(758.000.000)
- Tăng: Chi phí không được tính thuế	58.140.000	19.364.844
- Tăng: Lỗ của công ty con	29.338.481	
Thu nhập chịu thuế, trong đó:	6.409.020.701	3.695.350.654
- Thu nhập chịu thuế suất 12,5% (được giảm 50%)	-	2.562.116.007
- Thu nhập chịu thuế suất 25%	6.409.020.701	1.133.234.647
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	12,5%	12,5%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010	1.602.255.175	603.573.163
Điều chỉnh bổ sung thuế TNDN năm 2009	-	163.158.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.602.255.175	766.731.740

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.957.287.045	3.667.254.070
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	5.702.940	5.702.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	869	643
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

20. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Trường Hà	35.018.182	-

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhận ứng trước		
Công ty Cổ phần Trường Hà	4.922.000	4.922.000
Vay ngắn hạn		
Cổ đông	354.369.000	1.394.601.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lương Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	230.788.666	301.819.482
Thưởng	4.650.000	1.714.500
Khác	8.500.000	2.350.000

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đang có những lô đất được Nhà nước cho thuê dài hạn, trả tiền thuê đất hàng năm.

Công ty có thực hiện ký hợp đồng thuê nhà đất với Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội về việc thuê văn phòng tại địa chỉ số 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Theo đó, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2014 với tổng tiền thuê nhà một tháng là 86.507.400 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Số 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Hợp đồng thuê nhà số 088 ngày 21/04/2011 ký với Công ty TNHH một thành viên Quản lý kinh doanh nhà thành phố Hồ Chí Minh, thời gian thuê nhà là 01 năm từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2011, giá tiền thuê nhà hàng tháng là 60.000.000 đồng/tháng. Tiền thuê nhà được thanh toán 3 tháng/1 lần trong vòng 30 ngày của tháng đầu quý tiếp theo.

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác.



Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng